

PHÒNG
KHOA THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên:

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên:

Giám thị 3: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040023	Lê Nhật	Duy	08/04/2006			4.8	Bốn tám	C26CK1	
2	2410040022	Nguyễn Trí	Duy	14/08/2006			9.0	Chín chẵn	C26CK1	
3	2410040015	Bao Thành	Giỏi	28/12/2006			7.2	Bảy hai	C26CK1	
4	2410040054	Phạm Minh	Hiếu	16/10/2004			7.0	Bảy chẵn	C26CK2	
5	2410040004	Nguyễn Khắc	Huy	01/06/2006			6.8	Sáu tám	C26CK1	
6	2410040003	Trần Gia	Huy	21/6/2006			5.0	Năm chẵn	C26CK1	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006			7.0	Bảy chẵn	C26TA	
8	2410040007	Nguyễn Tuấn	Kha	12/11/2006			8.6	Tám sáu	C26CK1	
9	2410040048	Võ Anh	Kiệt	21/02/2006			8.8	Tám tám	C26CK2	
10	2410040032	Hà Khánh	Luân	04/10/2005			6.2	Sáu hai	C26CK2	
11	2410040029	Trần Minh	Luân	28/02/2006			6.6	Sáu sáu	C26CK1	
12	2410040001	Tô Ngọc	Minh	19/12/1996			9.2	Chín hai	C26CK1	
13	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006			9.2	Chín hai	C26TA	
14	2410040008	Hồ Nguyễn Thành	Nhân	30/01/2006			5.2	Năm hai	C26CK1	
15	2410040020	Lê Minh	Nhật	15/03/2006			4.8	Bốn tám	C26CK1	
16	2410100013	Nguyễn Hoàng	Phát	10/02/2005			5.4	Năm bốn	C26CK2	
17	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004			7.6	Bảy sáu	C26TA	
18	2410040027	Trần Hoàng	Phúc	10/08/2006			7.6	Bảy sáu	C26CK1	
19	2410040030	Bùi Thanh	Sang	12/01/2006			5.0	Năm chẵn	C26CK1	
20	2410040043	Nguyễn Anh	Tài	11/04/2006			7.4	Bảy bốn	C26CK2	
21	2410040013	Võ Thành	Thái	15/11/2006			7.6	Bảy sáu	C26CK1	
22	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006			9.8	Chín tám	C26TA	
23	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002			9.6	Chín sáu	C26TA	
24	2410040038	Lê Hoài	Thương	01/02/2006			6.6	Sáu sáu	C26CK2	
25	2410040044	Huỳnh Anh	Tú	17/06/2006			7.4	Bảy bốn	C26CK2	
26	2410040039	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/03/2006			5.4	Năm bốn	C26CK2	
27	2410040041	Nguyễn Gia	Yên	01/06/2006			7.0	Bảy chẵn	C26CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<i>nhu</i>		9.6	Chín sáu	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 9 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đoàn Thị Hương

Ngày: 03 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Chu Thị Lê Hoàng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: NS4AG1

Thời gian thi: 03/04/2025 13:30:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2025 14:30:00

Giám thị 1: NT N Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: NT N Hòa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: NT H Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26CK1	
2	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26CK1	
3	2410040015	Bao Thành Giỏi	28/12/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26CK1	
4	2410040054	Phạm Minh Hiếu	16/10/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26CK2	
5	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26TA	
6	2410040003	Trần Gia Huy	21/06/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26CK1	
7	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26CK1	
8	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26CK1	
9	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26CK2	
10	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26CK2	
11	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26CK1	
12	2410040001	Tô Ngọc Minh	19/12/1996	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26CK1	
13	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26TA	
14	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26CK1	
15	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26CK1	
16	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26CK2	
17	2410130008	Trần Thiên Phú	08/10/2004	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
18	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26CK1	
19	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26CK1	
20	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26CK2	
21	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26CK1	
22	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C26TA	
23	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
24	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26CK2	
25	2410040044	Huỳnh Anh Tú	17/06/2006	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26CK2	
26	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26CK2	
27	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
28	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26CK2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Minh Tuấn

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Chu Thị Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Ngày thi: 03/04/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên:

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006			7.6	Bảy sáu	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006			8.2	Tám hai	C26CK1	
3	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006			7.2	Bảy hai	C26CK1	
4	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006			9.4	Chín bốn	C26CK2	
5	2410040037	Lê Vũ Hảo	18/12/2005			5.4	Năm bốn	C26CK2	
6	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006			4.0	Bốn chẵn	C26CK1	
7	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006			9.6	Chín sáu	C26TA	
8	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005			8.0	Tám chẵn	C26CK1	
9	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006			9.2	Chín hai	C26TA	
10	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006			8.0	Tám chẵn	C26CK2	
11	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006			7.4	Bảy bốn	C26CK1	
12	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006			4.2	Bốn hai	C26CK1	
13	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006			7.6	Bảy sáu	C26CK1	
14	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002			8.8	Tám tám	C26CK2	
15	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006			8.6	Tám sáu	C26CK2	
16	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/4/1999			8.8	Tám tám	C26TA	
17	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005			9.6	Chín sáu	C26CK2	
18	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006			6.4	Sáu bốn	C26CK1	
19	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006			5.2	Năm hai	C26CK1	
20	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996			9.0	Chín chẵn	C26TA	
21	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006			7.8	Bảy tám	C26TA	
22	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006			9.4	Chín tư	C26TA	
23	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006			4.6	Bốn sáu	C26CK1	
24	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005			8.0	Tám chẵn	C26CK2	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005			7.0	Bảy chẵn	C26CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006			8.2	Tam hai	C26CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 26 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 9 tháng 4 năm 2015

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 03 tháng 04 năm 2015

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Chí Li Hoàng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: 3ZDH0T

Thời gian thi: 03/04/2025 13:30:00

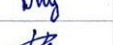
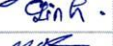
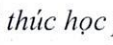
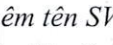
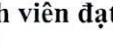
Thời gian kết thúc: 03/04/2025 14:30:00

Giám thị 1: Lê Dung Sơn Ký tên: 

Giám thị 2: Lê Thuần Huy Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006		7.6	Bảy, sáu	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006		8.2	Tám, hai	C26CK1	
3	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006		7.2	Bảy, hai	C26CK1	
4	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006		9.4	Chín, bốn	C26CK2	
5	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005		5.4	Năm, bốn	C26CK2	
6	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006		4	Bốn	C26CK1	
7	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006		9.6	Chín, sáu	C26TA	
8	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005		8	Tám	C26CK1	
9	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006		9.2	Chín, hai	C26TA	
10	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006		8	Tám	C26CK2	
11	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006		7.4	Bảy, bốn	C26CK1	
12	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006		4.2	Bốn, hai	C26CK1	
13	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006		7.6	Bảy, sáu	C26CK1	
14	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002		8.8	Tám, tám	C26CK2	
15	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006		8.6	Tám, sáu	C26CK2	
16	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/04/1999		8.8	Tám, tám	C26TA	
17	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005		9.6	Chín, sáu	C26CK2	
18	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/08/2006		6.4	Sáu, bốn	C26CK1	
19	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006		5.2	Năm, hai	C26CK1	
20	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996		9	Chín	C26TA	
21	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006		7.8	Bảy, tám	C26TA	
22	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006		9.4	Chín, bốn	C26TA	
23	2410040024	Nguyễn Trung Trực	05/09/2006		4.6	Bốn, sáu	C26CK1	
24	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005		7	Bảy	C26CK1	
25	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005		8	Tám	C26CK2	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006		8.2	Tám, hai	C26CK1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

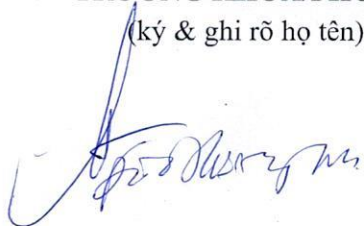
Số sinh viên dự thi: 26

Số sinh viên đạt: 26

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

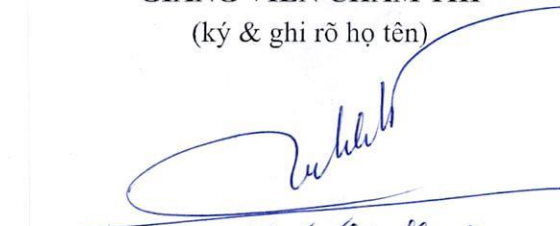
(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 03 tháng 04 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Thị Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/2/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1		6.0	Sáu chẵn	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1		6.0	Sáu chẵn	
3	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
4	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1		7.0	Bảy chẵn	
5	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
6	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1		6.0	Sáu chẵn	
7	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1		6.0	Sáu chẵn	
8	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
9	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
10	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
11	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
12	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
13	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
14	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1		6.0	Sáu chẵn	
15	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
16	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
17	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
18	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0. Số bài thi: 18 / 18.

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 10/3/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1		7.0	Bảy chẵn	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1		7.0	Bảy chẵn	
3	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1		7.5	Bảy năm	
4	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1		7.5	Bảy năm	
5	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
6	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
7	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1		7.5	Bảy năm	
8	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
9	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1		5.0	Năm không	
10	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
11	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1		7.5	Bảy năm	
12	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1		5.0	Năm không	
13	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1		5.0	Năm chẵn	
14	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
15	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1		7.0	Bảy không	
16	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1		6.0	Sáu không	
17	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
18	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1		7.0	Bảy chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 Số bài thi: 18 / 18

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/2/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	8.0	Tam chẵn	
2	2410040054	Phạm Minh Hiếu	16/10/2004	C26CK2	Hieu	6.0	Sáu chẵn	
3	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	6.5	Sáu năm	
4	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiet	6.5	Sáu năm	
5	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	Phat	8.0	Tam chẵn	
6	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	Phat	5.5	Năm năm	
7	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	8.0	Tam không	
8	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	Tai	6.5	Sáu năm	
9	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	Thuong	5.0	Năm chẵn	
10	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	Tuan	6.0	Sáu chẵn	
11	2410040044	Huỳnh Anh Tú	17/06/2006	C26CK2	Tu	6.0	Sáu chẵn	
12	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	Vu	5.5	Năm năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 10/3/25 Giờ thi: 15:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	9.0	Chín chẵn	
2	2410040054	Phạm Minh Hiếu	16/10/2004	C26CK2	M	7.5	Bảy năm	
3	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	7.0	Bảy không	
4	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiệt	7.5	Bảy năm	
5	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	Phát	8.0	Tám chẵn	
6	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	Phat	5.0	Năm không	
7	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	8.0	Tám không	
8	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	Tai	5.0	Năm không	
9	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	Th	5.5	Năm năm	
10	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	Tu	6.5	Sáu năm	
11	2410040044	Huỳnh Anh Tú	17/06/2006	C26CK2	Tu	6.0	Sáu không	
12	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	Tu	6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 Số bài thi: 12 / 12

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/12/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Hiếu	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA		7.5	Bảy năm	
2	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA		5.0	Năm chẵn	
3	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA		7.0	Bảy chẵn	
4	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA		8.0	Tám chẵn	
5	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA		6.0	Sáu chẵn	
6	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA		8.5	Tám năm	
7	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA		6.5	Sáu năm	
8	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA		6.5	Sáu năm	
9	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA		7.5	Bảy năm	
10	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA		6.5	Sáu năm	
11	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA		6.5	Sáu năm	
12	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA		7.0	Bảy chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 10/3/25 Giờ thi: 14:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Hiếu	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA		9.0	Chín chẵn	
2	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA		7.0	Bảy chẵn	
3	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA		7.0	Bảy chẵn	
4	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA		8.5	Tám năm	
5	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA		5.5	Năm năm	
6	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA		9.5	Chín năm	
7	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA		6.0	Sáu chẵn	
8	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA		8.5	Tám năm	
9	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA		9.5	Chín năm	
10	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA		7.0	Bảy chẵn	
11	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA		9.0	Chín chẵn	
12	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA		5.5	Năm năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 0. Số bài thi: 12 / 12.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/2/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040047	Trần Nguyễn Đức Anh	25/07/2006	C26CK2		6.0	Sau chẵn	
2	2410040052	Nguyễn Quốc Bình	05/02/2004	C26CK2				
3	2410040035	Phan Thanh Giàu	30/01/2006	C26CK2		6.0	Sau chẵn	
4	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2		6.5	Sau năm	
5	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2		6.5	Sau năm	
6	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2		6.0	Sau chẵn	
7	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2		5.5	Năm năm	
8	2410040049	Đặng Thái Sơn	15/10/2006	C26CK2				
9	2410040046	Bùi Duy Tài	18/06/2006	C26CK2				
10	2410040040	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006	C26CK2				
11	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2		6.0	Sau chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 11 vắng thi: 04 Số bài thi: 07 / 11

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Hà Phương

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 10/3/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040047	Trần Nguyễn Đức Anh	25/07/2006	C26CK2				
2	2410040052	Nguyễn Quốc Bình	05/02/2004	C26CK2				
3	2410040035	Phan Thanh Giàu	30/01/2006	C26CK2		7.5	Bảy năm	
4	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2		6.5	Sáu năm	
5	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2		8.0	Tám không	
6	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2				
7	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2		7.0	Bảy không	
8	2410040049	Đặng Thái Sơn	15/10/2006	C26CK2				
9	2410040046	Bùi Duy Tài	18/06/2006	C26CK2				
10	2410040040	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006	C26CK2				
11	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2		5.5	Năm năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 vắng thi: 06 . Số bài thi: 05 / 11 .

Ngày 18...tháng 3...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14...tháng 3...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/2/25 Giờ thi: 4:15 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040028	Nguyễn Thanh Duy Cường	10/06/2006	C26CK1				
2	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1		5.5	Năm năm	
3	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1		5.0	Năm năm	chấn
4	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1		5.5	Năm năm	
5	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1		5.0	Năm năm	chấn
6	2410040001	Tô Ngọc Minh	19/12/1996	C26CK1		6.5	Sáu năm	
7	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1		5.0	Năm năm	chấn
8	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1		8.0	Tám năm	chấn
9	2410040002	Huỳnh Duy Phương	01/10/2000	C26CK1				
10	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1		6.0	Sáu năm	chấn
11	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1		5.0	Năm năm	chấn

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 vắng thi: 02 . Số bài thi: 09 / 11 .

Ngày: 18 tháng 2 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

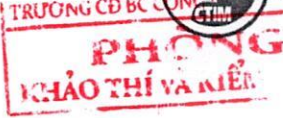
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 10/3/25 Giờ thi: 4.15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040028	Nguyễn Thanh Duy	Cường	10/06/2006	C26CK1				
2	2410040023	Lê Nhật	Duy	08/04/2006	C26CK1		6.0	Sáu không	
3	2410040026	Nguyễn Hoàng	Duy	02/07/2006	C26CK1		5.0	Năm không	
4	2410040031	Lê Gia	Huy	15/03/2005	C26CK1		6.0	Sáu không	
5	2410040003	Trần Gia	Huy	21/6/2006	C26CK1		5.0	Năm không	
6	2410040001	Tô Ngọc	Minh	19/12/1996	C26CK1		6.5	Sáu năm	
7	2410030001	Nguyễn Trọng	Nghĩa	11/10/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
8	2410040027	Trần Hoàng	Phúc	10/08/2006	C26CK1		8.5	Tám năm	
9	2410040002	Huỳnh Duy	Phương	01/10/2000	C26CK1				
10	2410040006	Lê Lê Anh	Sự	18/8/2006	C26CK1		6.5	Sáu năm	
11	2410040021	Lương Lê	Tứ	12/05/2005	C26CK1		7.0	Bảy chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 vắng thi: 02 Số bài thi: 09 / 11.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng